

Số: 03 /GCN-BGTVT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ văn bản số 980/BXD-KHCN ngày 04/5/2017 của Bộ Xây dựng về việc thỏa thuận đánh giá, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho các đơn vị thuộc Bộ GTVT quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc giao nhiệm vụ tổ chức kiểm tra, đánh giá cấp mới, cấp lại, bổ sung, sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ và ký Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc các đơn vị do Bộ GTVT quản lý;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần nghiên cứu và phát triển Asphalt Việt Nam và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 22 tháng 5 năm 2017,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần nghiên cứu và phát triển Asphalt Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 3, nhà G10, số 495 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0106707399

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm công trình đường bộ và sân bay.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Khu đất Ao phần tư, Yên Duyên, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 521

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 391/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Nơi nhận :

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông (để b/c);
- Bộ Xây dựng (Vụ KHCN-MT);
- Sở Xây dựng Hà Nội;
- Công ty CP NC&PT Asphalt Việt Nam;
- Trung tâm công nghệ thông tin (website);
- Lưu VT, KHCN.



ĐƠN ĐỀ NGHỊ
TẠO ĐƠN VỊ
ĐƠN VỊ

ĐƠN VỊ

ĐƠN VỊ

ĐƠN VỊ

ĐƠN VỊ



DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 521

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 03 /GCN-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2017)

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
I	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cốt liệu dùng cho bê tông và vữa	
1	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006 AASHTO T27 ASTM C136
2	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 AASHTO T84 ASTM C128
3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572 - 5:2006
4	Khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
5	Độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
6	Hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm	TCVN 7572-11:2006
10	Độ mài mòn Los Angeles	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131 AASHTO T96
11	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791
12	Hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
13	Hàm lượng hạt Sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572 - 16:2006
14	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572 - 18:2006
15	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
16	Đương lượng cát (ES)	AASHTO T176
17	Xác định độ bền cốt liệu bằng phương pháp sử dụng Natri Sunfat và Magie Sunfat	AASHTO T104- 90
18	Hệ số thấm	ASTM D 2432
II	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 AASHTO T245 ASTM D1559
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164 ASTM D2172
3	Xác định thành phần hạt cốt liệu	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T27 ASTM C136
4	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 ASTM D2041 AASHTO T209
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 ASTM D3203 AASHTO T269

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
13	Thử độ sâu vết hằn bánh xe của bê tông nhựa bằng thiết bị Wheel tracking	Quyết định số 1617/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2014
14	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp nung	AASHTO T308-99 ASTM D 6307-98 BS EN 126797 - 39:2004
15	Cường độ chịu kéo gián tiếp - Tensile Strength Ratio	AASHTO T283-14
III	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường đặc	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005 AASHTO T49 ASTM D5
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005 AASHTO T51 ASTM D113
3	Xác định nhiệt độ hoá mềm	TCVN 7497:2005 AASHTO T53
4	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005 AASHTO T48 ASTM D92
5	Xác định lượng tổn thất sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005 AASHTO T47 ASTM D6
6	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloetylen	TCVN 7500:2005 AASHTO T44 ASTM D2042
7	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501:2005 AASHTO T228 ASTM D70
8	Độ nhớt động lực	TCVN 7502:2005
9	Xác định hàm lượng Paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
10	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005 AASHTO T182 ASTM D3625
11	Xác định ảnh hưởng của nhiệt độ và không khí bằng phương pháp màng mỏng xoay (RTFOT)	ASTM D2872
12	Độ đàn hồi	22TCN 319:04
13	Độ ổn định lưu trữ	22TCN 319:04
14	Độ nhớt Brookfield	22TCN 319:04
15	Thí nghiệm hóa cứng nhựa đường bằng bình áp lực - Pressure Aging Vessel	AASHTO R28-12 ASTM D6521-08
16	Thí nghiệm cắt động lưu biến - Dynamic Shear Rheometer	AASHTO T315-12

Handwritten signature

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
17	Thí nghiệm uốn dầm - Bending Beam Rheometer	AASHTO T 313-12 ASTM D6648-08
18	Thí nghiệm kéo trực tiếp - Direct Tension Test	AASHTO T314
IV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường lỏng	
1	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011 AASHTO T79 ASTM D3143
2	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011 AASHTO T55 ASTM D95
3	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011 AASHTO T78 ASTM D402
4	Độ nhớt động lực	TCVN 8818-5:2011
V	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhũ tương nhựa đường a xít	
1	Xác định độ nhớt Saybolt Furon	TCVN 8817-1:2011
2	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011 ASTM D6930 AASHTO T59
3	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011 ASTM D6933 AASHTO T59
4	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011 ASTM D244 AASHTO T59
5	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011 ASTM D6936 AASHTO T59
6	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011 ASTM D6935 AASHTO T59
7	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011 ASTM D244 AASHTO T59
8	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
9	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
10	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011 ASTM D244 AASHTO T59
11	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011 ASTM D244 AASHTO T59
12	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011 ASTM D6999 AASHTO T59
13	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011 ASTM D6937 AASHTO T59
14	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011 ASTM D244



TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
		AASHTO T59
VI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bột khoáng chất	
1	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
2	Độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
3	Khối lượng riêng	22 TCN 58-84
4	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng dưới áp lực 400kG/cm ²	22TCN 58-84
5	Lượng mất khi nung	22TCN 58-84
6	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58-84
7	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58-84
VII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của xi măng	
1	Độ mịn và khối lượng riêng	TCVN 4030:2003
2	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:1995
3	Độ bền uốn và độ bền nén	TCVN 6016:2011
4	Xác định lượng mất khi nung	TCVN 141 :2008
VIII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông xi măng	
1	Độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
2	Khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
3	Độ tách nước và tách vữa	TCVN 3109:1993
4	Khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
5	Độ hút nước	TCVN 3113:1993
6	Khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
7	Giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993
8	Giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
9	Độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993
10	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén.	TCVN 9335:2012
11	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110: 1993
12	Độ mài mòn	TCVN 3114:1993
IX	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của đất trong phòng	
1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
3	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012
4	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2012
5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2014
6	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
9	Xác định chỉ số CBR	22 TCN332-2006
10	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434
X	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vữa xây dựng	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
4	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
5	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003
6	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
XI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch đất sét nung	
1	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009

Handwritten signature

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
2	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
4	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
XII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bột khoáng chất	
1	Hình dáng bên ngoài	22 TCN 58-84
2	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
3	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
4	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58-84
5	Hệ số hao nước	22 TCN 58-84
XIII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch bloc bê tông	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2011
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2011
3	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2011
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2011
5	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2011
XIV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch bê tông tự chèn	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
4	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
XV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch xi măng lát nền	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995
2	Xác định độ hút nước	TCVN 6065:1995
3	Xác định độ chịu lực xung kích	TCVN 6065:1995
4	Xác định lực uốn gãy	TCVN 6065:1995
5	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
XVI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vải địa kỹ thuật và bắc thấm	
1	Trọng lượng đơn vị	ASTM D5261
2	Độ dày tiêu chuẩn	ASTM D5199
3	Sức kháng xuyên thủng CBR	TCVN 8871- 3:2011
4	Sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871- 4:2011
5	Kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871- 6:2011
6	Xác định lưu lượng thấm qua vải địa kỹ thuật	ASTM D 4491
7	Vải địa kỹ thuật - Xác định cường độ kéo đứt và độ giãn dài khi kéo đứt	ASTM D 4595
8	Vải địa kỹ thuật - Xác định độ kéo giật và độ giãn dài khi kéo giật	TCVN 8871- 1:2011
9	Vải địa kỹ thuật - Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871- 2:2011
10	Xác định lưu lượng thấm qua bắc thấm	ASTM D 4716
XVII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của kim loại - mối hàn	
1	Kim loại – phương pháp thử kéo dọc	TCVN 197:2002
2	Kim loại – phương pháp thử uốn	TCVN 198:2008
3	Mối hàn – phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010
4	Mối hàn – Phương pháp thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
5	Kiểm tra chất lượng hàn ống - thử nén dẹt	TCVN 5402:1991
6	Thử bulong (Thử cắt bulong; thử nghiệm ren; thân bu lông)	ASTM A 370

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
7	Thử kéo bulong	TCVN 1916:1995
XVIII	Thử nghiệm hiện trường	
1	Mô đun đàn hồi xác định bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
2	Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
3	Độ nhám của mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965
4	Mô đun đàn hồi của nền đất và kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
5	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (phương pháp rót cát)	22 TCN 346:06
6	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) bằng phương pháp dao vòng	TCVN 4202:2012
7	Sức kháng trượt đo bằng thiết bị con lắc anh	ASTM E303-93 AASHTO T278-90
8	Xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
9	Xác định sức chịu tải CBR tại hiện trường	TCVN 8821:2011

Ghi chú: Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

thực hiện

4.1.1